TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị N và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Văn Lộc

Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về: ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Bé N, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Anh Trương Hồng T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị N có mặt, anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Bé N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2004, đăng ký kết hôn năm 2005 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, không phụ giúp chị N để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình mà nhiều lần chửi chị trước mặt nhiều người, không tôn trọng chị. Vợ chồng ly thân từ tháng 3 năm 2018. Chị N cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nữa, không tin tưởng lẫn nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 01 con chung tên Trương Hoài P, sinh ngày 04/10/2005. Con đang sống với chị, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết, chị xác định vợ chồng không có nợ chung.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2019 anh Trương Hồng T có ý kiến trình bày:

Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2004, đăng ký kết hôn năm 2005 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N đi làm xa từ đó tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn yêu thương như trước. Chị N cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: có 01 con chung tên Trương Hoài P, sinh ngày 04/10/2005. Anh đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu tòa án giải quyết, anh xác định vợ chồng không có nợ chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội

dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự là nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N đối với anh T; giao con chung cho chị N trông nom, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung xác định không có nên không đặt ra xem xét. Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bé N vụ án có quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Trương Hồng T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị N Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Về hôn nhân: anh chị tự nguyên chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2005 nên hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp. Chị N cho rằng vợ chồng chung sống mâu thuẫn là do anh T không có trách nhiệm cùng chị vun đắp cuộc sống gia đình, không tin tưởng chị làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do từ khi chị N đi làm, vợ chồng xa cách, tình cảm dần phai nhạt nên anh cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: chị N yêu cầu được nuôi con, cháu P có nguyện vọng sống với chị N. Anh T cũng thống nhất để chị N nuôi con. Như vậy, giao chị N trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Trương Hoài P, sinh ngày 04/10/2005 là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị N, anh T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Anh chị xác định vợ chồng không nợ ai.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Bé N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Lê Thị Bé N đối với anh Trương Hồng T.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Bé N và anh Trương Hồng T.

Về nuôi con chung: Giao con chung Trương Hoài P, sinh ngày 04/10/2005 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: chị N, anh T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, anh chị xác định vợ chồng không có nợ chung.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Bé N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019944 ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thúy Liễu